

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 50/2022/HS-ST

Ngày 26/7/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tích và ông Nguyễn Trọng Bộ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đức D** - sinh năm 1980; Nơi ĐKHKTT, nơi sinh sống: thôn Thanh L, xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh Hải D; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đức Ch - đã chết và bà Nguyễn Thị M; Có vợ: Trần Thị Th, có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không

2. **Nguyễn Văn N** - sinh năm 1970; Nơi ĐKHKTT, nơi sinh sống: thôn Tường V, xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh Hải D; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn N - đã chết và bà: Bùi Thị Ú - đã chết; vợ: Bùi Thị H, có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không

3. **Nguyễn Đức Th** - sinh năm 1986; Nơi ĐKHKTT, nơi sinh sống: thôn Thanh L, xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh Hải D; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Đức M và bà Tạ Thị D; vợ: Nguyễn Thị Đ; Có 02 con: con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 10/2014/HSST ngày 25/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Đức Th 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc. Chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung ngày 25/4/2014.

4. **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1978. Nơi ĐKHKTT, nơi sinh sống: thôn Tường V, xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh Hải D; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn B và bà Lê Thị Th; vợ: Nguyễn Thị Th; Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không

5. **Nguyễn Văn T2** - sinh năm 1964; Nơi ĐKHKTT, nơi sinh sống: thôn Tường V, xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh Hải D; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 7/10; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông: Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị A; vợ: Phạm Thị Thùy M, có 01 con, sinh năm 1995.

Tiền án: Tại Bản án số 09/2003/HSST ngày 18/3/2003 của Tòa án nhân dân huyện huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Văn T2 07 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/7/2009, đến nay chưa chấp hành phần án phí và tiền truy thu.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 15 ngày 03/11/1988 của Tòa án nhân dân huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng xử phạt Nguyễn Văn T2 24 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 48 tháng về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản chiếm đoạt là 11.800 đồng). Đến nay, không còn coi là tội phạm.

- Tại Bản án số 83 ngày 27/9/1990 của Tòa án nhân dân huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng xử phạt Nguyễn Văn T2 36 tháng tù về tội Cướp giật tài sản công dân. Tổng hợp với 24 tháng tù treo của Bản án số 15 ngày 03/11/1988 của Tòa án nhân dân huyện Kim Môn, buộc T2 phải chấp hành chung hình phạt của 02 bản án là 60 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 02/02/1990. Được miễn phần dân sự của Bản án theo Quyết định số 05 ngày 27/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Tại Bản án số 126 ngày 08/8/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng xử phạt Nguyễn Văn T2 04 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân, thời hạn tính từ ngày 10/4/1995. Được miễn phần dân sự của Bản án theo Quyết định số 16 ngày 27/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

- Tại Bản án số 29 ngày 22/3/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Văn Thành 04 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân, thời hạn tính từ ngày 23/9/1998. Được miễn phần dân sự của Bản án theo Quyết định số 30 ngày 27/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

6. **Nguyễn Văn B** - sinh năm 1976. Nơi ĐKKHKT, nơi sinh sống: thôn Tường V, xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh Hải D; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn Đ và bà Đào Thị Th; vợ: Nguyễn Thị Th; Có 02 con: con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không

Các bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Th:** Bà Lê Thị Thu Hiền – sinh năm 1983, Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ ngày 09/3/2022, Nguyễn Đức D đến nhà Nguyễn Văn B ở thôn Tường V, xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh Hải D chơi và ăn cơm tối. Sau khi ăn cơm xong thì Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Đức Th lần lượt đến nhà B chơi, uống nước tại phòng khách. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, D, N, Th, T và T2 thống nhất rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh sâm được thua bằng tiền, B đồng ý cho D, N, Th, T và T2 đánh bạc tại phòng khách của gia đình. Sau đó, tất cả ngồi xuống nền nhà phòng khách, D lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài có sẵn trên bàn uống nước chia bài ván đầu tiên và cùng N, Th, T, T2 đánh bạc, còn B ngồi xem. Khi đánh bạc, N sử dụng 2.800.000 đồng, Th sử dụng 2.500.000 đồng, D sử dụng 2.200.000 đồng, T sử dụng 1.100.000 đồng và T2 sử dụng 1.100.000 đồng. Hình thức đánh sâm là dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, chia cho mỗi người chơi 10 quân, quy định mỗi người phải đặt 50.000 đồng gọi là tiền “gà” ra chiêu bạc, người chơi đánh lần lượt theo chiều kim đồng hồ, đánh quân bài từ thấp đến cao, ai hết bài trước thì thắng, những người còn lại đếm số quân bài còn lại và trả cho người thắng 5.000 đồng/ 1 quân bài. Quá trình chơi, nếu thấy bài của mình đánh ra sẽ không ai chặn được thì người chơi có thể “báo sâm”, nếu báo sâm thành công thì người đó thắng, được thu toàn bộ số tiền “gà” đã đặt trước đó và mỗi người chơi còn lại trả cho người thắng 100.000 đồng. Ngược lại, nếu báo sâm và

có người chặn được bài thì người báo sâm phải trả cho người chơi đã chặn được bài của mình 400.000 đồng. Trường hợp người chơi không đánh được quân bài nào gọi là “cháy” và phải trả cho người thắng 70.000 đồng. Người thắng ván trước được quyền chia bài ván sau và đánh đầu tiên nếu không có người “báo sâm”.

Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc D, N, Th, T và T2 đang đánh bạc thì bị Tổ công tác của Công an xã Cộng Hòa kiểm tra phát hiện, thu giữ 01 bộ tú lơ khơ 52 quân bài và số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 9.700.000 đồng, trong đó: thu tại chiếu bạc 4.850.000 đồng, thu tại ví của N 2.800.000 đồng, thu tại ví của D 2.050.000 đồng. Cùng ngày, Công an xã Cộng Hòa bàn giao các đối tượng cùng biên bản vụ việc, vật chứng liên quan đã quản lý cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành điều tra theo thẩm quyền. Hiện toàn bộ số vật chứng nêu trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành quản lý và đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim T2.

Tại báo cáo trạng số: 49/QĐ-VKS ngày 21/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B đều về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B đều phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, Điều 17 và 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Văn B. Áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo N, T, Th. Áp dụng khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo D, N, Th. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo D, N, B, T. Áp dụng Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T2.

Áp dụng khoản 1, 2, 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo B

Áp dụng Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T.

Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Đức D từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo N, Th, D được hưởng án treo cho UBND xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh Hải D nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã Cộng H, nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Văn B trong thời gian cải tạo không giam giữ, sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho UBND xã Cộng Hoà, huyện Kim Th, tỉnh Hải D giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo D, N, B, T2 mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.700.000 đồng. Tịch thu cho tiêu huỷ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo D, N, T2, T, B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Th.

Các bị cáo D, N, T2, T, Th, B khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Th trình bày: Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Th là hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, bị cáo T2 khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tích cực tham gia ủng hộ quỹ nhân đạo tại địa phương, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bản thân bị cáo bị mắc bệnh suy thận giai đoạn cuối và bị cáo có đơn đề nghị được miễn án phí. Nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Th 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 20 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút ngày 09/3/2022, tại thôn Tường V, xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh Hải D, Nguyễn Văn B có hành vi dùng nhà ở của mình cho Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức Th, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2 đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh sâm được thua bằng tiền, tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 9.700.000 đồng.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị lớn là trái pháp luật. Nhưng do động cơ sát phạt nhau, không muốn lao động để tạo ra của cải, vật chất cho bản thân, các bị cáo đã tụ tập, lôi cuốn nhau đánh bạc bằng hình thức đánh sâm để tước đoạt tài sản, tiền bạc của nhau. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức Th, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến trật tự công cộng, làm mất trật tự trị an xã hội, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật khác. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi cố ý đã gây ra và phải chịu một hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm. Để có mức án tương xứng với hành vi và lỗi của các bị cáo, Tòa án phân tích đánh giá vai trò của các bị cáo như sau: Các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức Th, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T2 đều là người thực hành tích cực. Bị cáo B không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng biết và để cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà

của mình nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức. Tuy nhiên xét về tính chất hành vi phạm tội, số tiền đánh bạc, thời gian đánh bạc, nhân thân các bị cáo thì thấy các bị cáo tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt, địa điểm đánh bạc ở nhà bị cáo B, bị cáo D là người lấy công cụ để đánh bạc. Về số tiền sử dụng đánh bạc: bị cáo N sử dụng 2.800.000 đồng, bị cáo Th sử dụng 2.500.000 đồng, bị cáo D sử dụng 2.200.000 đồng, bị cáo T sử dụng 1.100.000 đồng và bị cáo T2 sử dụng 1.100.000 đồng. Vì vậy, bị cáo D, N, Th giữ vai trò thứ nhất và ngang nhau, tiếp đến là bị cáo B, sau cùng là bị cáo T, T2.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo Nguyễn Văn Bằng, Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo B, D, N, T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T2, Th được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội T2 khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo N và T có bố đẻ là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương, bị cáo Th tích cực tham gia ủng hộ phong trào tại địa phương nơi bị cáo sinh sống nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo D, N, T, Th, B không phải chịu tình tiết tăng nặng. Bị cáo Nguyễn Văn T2 năm 2003 bị Tòa án nhân dân huyện huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt 07 năm tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng chưa được xoá án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự và bị cáo T2 có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xử phạt hành chính.

[6] Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Văn T2 mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức Th được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tiền án, tiền sự, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, bị cáo Th tuy có nhân thân xấu nhưng hiện bị cáo đang mắc bệnh suy thận giai đoạn cuối nên thường xuyên phải đi điều trị tại bệnh viện. Vì vậy, Toà án áp dụng khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D, N, Th được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật.

[7] Đối với bị cáo Nguyễn Văn B được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tiền án, tiền sự, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng nên không cần thiết

phải buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Hàng tháng khấu trừ thu nhập 10% của các bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[8] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T đánh bạc với số tiền ít, giữ vai trò sau trong vụ án, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tiền án, tiền sự, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng nên không cần thiết phải buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Ngoài việc áp dụng hình phạt về nhân thân đối với các bị cáo, Tòa án còn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Đức Th thuộc hộ gia đình cận nghèo, bản thân bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về các biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu cho tiêu hủy. Đối với số tiền 9.700.000 đồng là khoản tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Các bị cáo bị kết luận phạm tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Đức Th thuộc hộ cận nghèo và có đề nghị được miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng cho bị cáo. Bị cáo D, N, Th, T, T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo. Căn cứ điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: D, N, T, B; Căn cứ khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo N, T, Th; Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Th, T2; Căn cứ Điều 38, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T2.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B.

Căn cứ khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức Th.

Căn cứ khoản 1, 2, 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B.

Căn cứ Điều 35 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với tất cả các bị cáo.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B phạm tội: “Đánh bạc”.

2. Xử phạt:

2.1- Bị cáo Nguyễn Văn T2 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2.2- Bị cáo Nguyễn Đức D 10 (*mười*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3- Bị cáo Nguyễn Văn N 10 (*mười*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

2.4- Bị cáo Nguyễn Đức Th 10 (*mười*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức Th cho UBND xã Cộng Hoà, huyện Kim Th, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2.5- Bị cáo Nguyễn Văn B 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh Hải D nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Khấu trừ từ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Văn B trong thời gian cải tạo không giam giữ, sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho UBND xã Cộng H, huyện Kim Th, tỉnh Hải D giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2.6 – Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B mỗi bị cáo 10.000.000 (Mười triệu) đồng sung Ngân sách Nhà nước.

4. Về các biện pháp tư pháp:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.700.000 đồng.

Tịch thu cho tiêu huỷ: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

(Vật chứng và số tiền do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương quản lý, có đặc điểm theo như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 25/7/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Đức Th.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Hải Dương
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Thị Hạnh

